TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/ HNGĐ-ST.
Ngày: 10-10-2018.
V/v: *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoài Đức Huệ

2. Ông Lâm Ngọc Trao

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trúc**-Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Hương Thủy**-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 552/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Ngọc D**, sinh năm 1988 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp V, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn*: Anh **Phan Minh K**, sinh năm 1987 (Có mặt)
Địa chỉ: thôn L, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.
Tạm trú: ấp V, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/7/2018, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Trần Ngọc D trình bày:

Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung, thay đổi, không rút một phần hay toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc D và anh Phan Minh K tìm hiểu,

yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Lúc đầu là mâu thuẫn về nơi ở, anh K muốn về Bình Định để sinh sống, làm ăn, nhưng chị không đồng ý vì chị còn mẹ già cần phải chăm sóc; trước khi cưới gia đình chị đã nói với anh K là cưới xong sẽ ở lại huyện N, tỉnh Đồng Nai không về Bình Định thì mới đồng ý cưới, anh K cũng đồng ý về vấn đề này, nhưng sau khi cưới xong thì anh K thay đổi ý kiến. Từ vấn đề về chỗ ở không giải quyết được, dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi nhau và xảy ra nhiều mâu thuẫn khác. Ngoài ra, do sự khác nhau về vùng miền nên dẫn đến những bất hòa về phong tục tập quán, lời ăn tiếng nói và cách xưng hô. Do mâu thuẫn thường xuyên nên chị và anh Khai hay cãi nhau, có lần còn xảy ra xô xát. Vợ chồng tuy sống chung trong một nhà, tuy vẫn còn ăn chung, ngủ chung nhưng không còn quan hệ vợ chồng khoảng hơn 01 năm nay.

Vào tháng 10/2017, chị có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh K nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, trong suốt thời gian sau đó, mặc dù cả hai bên có nhiều cố gắng để cải thiện mối quan hệ nhưng không thành. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh K được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Chị và anh K chung sống có 02 con chung là cháu Phan Trần Nhã P, sinh ngày 16/11/2013 và cháu Phan Trần Khả N, sinh ngày 04/01/2016. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm giáo viên trường Trung học phổ thông Nguyễn Bỉnh Khiêm, thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng bao gồm lương cơ bản là 4.500.000 đồng và tiền dạy thêm khoảng 11.000.000 đồng/tháng. Về chỗ ở, hiện nay chị đang sống tại nhà riêng. Trong thời gian chị đi làm nếu không kịp đưa rước con thì có mẹ ruột của chị sẽ đưa rước các cháu. Với điều kiện như trên, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Phan Minh K theo bản tự khai ngày 13/8/2018 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: về thời gian và hoàn cảnh kết hôn, chị D trình bày là đúng. Anh và chị Trần Ngọc D tìm hiểu, yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do thời điểm đó anh K không ra ngoài đi làm mà chỉ ở nhà bán hàng online, chị D đi làm về không thấy anh lo cơm nước nên dẫn đến cãi vã. Việc chị D cho rằng vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề chỗ ở: anh có nói với chị D là bây giờ vợ chồng sẽ ở Đồng Nai, nhưng sau này sẽ về Bình Định để sống nhưng chị D không đồng ý. Chị D cũng không tỏ thái độ, chỉ đến khi mâu thuẫn, cãi nhau về những vấn đề khác thì chị D mới đem những chuyện mâu thuẫn về chỗ ở, phong tục, tập quán, cách xưng hô để cãi nhau. Nhưng vấn đề mâu thuẫn này vợ chồng đã đem ra giải quyết nhưng vẫn không có cải thiện. Việc chị D khai vợ chồng hay cãi nhau là đúng, anh cũng xác định

trong quá trình chung sống vợ chồng cũng từng đánh nhau. Hiện nay anh và chị D vẫn còn sống chung một nhà, vẫn còn ăn chung, ngủ chung nhưng không còn quan hệ vợ chồng. Vợ chồng còn nói chuyện nhưng rất ít khi quan tâm lẫn nhau.

Khoảng tháng 10/2017, chị D có nộp đơn xin ly hôn, nhưng sau đó chị D rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Trong suốt thời gian sau khi chị D rút đơn khởi kiện cho đến nay, quan hệ vợ chồng có cải thiện. Theo anh, vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng không đủ lớn để dẫn đến ly hôn, việc chị D nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn hết lần này đến lần khác là do tính chị D cố chấp.

- Về con chung: Anh K và chị D chung sống có 02 con chung là cháu Phan Trần Nhã P, sinh ngày 16/11/2013 và cháu Phan Trần Khả N, sinh ngày 04/01/2016. Việc chị D xin nuôi 02 con chung, anh đồng ý. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng/cháu; hai cháu là 10.000.000 đồng/tháng

Anh hiện đang làm công việc bán hàng, thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng – 45.000.000 đồng, không có giấy tờ gì chứng minh.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Ngọc Diễm được ly hôn anh Phan Minh Khai.

Về con chung: đề nghị giao 02 con chung là cháu Phan Trần Nhã P, sinh ngày 16/11/2013 và cháu Phan Trần Khả N, sinh ngày 04/01/2016 cho chị D nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh K cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng/cháu; hai cháu là 10.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh K, chị D và anh K đều cư trú tại tại huyện Nhơn Trạch, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân cấp huyện nên Toà án nhân dân huyện Nhơn Trạch thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Trần Ngọc D và anh Phan Minh K xây dựng gia đình với nhau do cả hai đều tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N số 91, quyển số 01/2012 ngày 05/10/2012 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng nhiều lần phát sinh mâu thuẫn nên chị D nộp đơn xin ly hôn anh K. Anh K cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều lần mâu thuẫn nhưng không đến mức nghiêm trọng để dẫn đến vợ chồng ly hôn, nên anh không đồng ý theo yêu cầu của chị D. Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vào tháng 10/2017,

chị D cũng đã 01 lần nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh K nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, trong suốt thời gian sau đó, mặc dù cả hai bên có nhiều cố gắng để cải thiện mối quan hệ nhưng vẫn không khắc phục được nên chị D tiếp tục nộp đơn xin ly hôn. Quá trình giải quyết Toà án đã hòa nhưng các bên cũng không đưa ra được phương án để vợ chồng về hòa giải xây dựng hạnh phúc gia đình. Các đương sự cũng đề nghị Tòa không hòa giải nữa mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị D là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: chị D và anh K tuy sống chung một nhà nhưng không còn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Như vậy hôn nhân của chị D và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh K là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: ghi nhận sự thỏa thuận về việc 02 con chung là cháu Phan Trần Nhã P, sinh ngày 16/11/2013 và cháu Phan Trần Khả N, sinh ngày 04/01/2016 cho chị D nuôi dưỡng. Ghi nhận sự nguyện của anh K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 5.000.000 đồng/tháng; hai cháu là 10.000.000 đồng.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: chị D, anh K xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Ngọc D phải chịum 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* của nguyên đơn chị Trần Ngọc D đối với bị đơn anh Phan Minh K. Xử cho chị Trần Ngọc D đối với anh Phan Minh K

[2] Về con chung: xử giao con chung là 02 con chung là cháu Phan Trần Nhã P, sinh ngày 16/11/2013 và cháu Phan Trần Khả N, sinh ngày 04/01/2016, cho chị D nuôi dưỡng. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là

5.000.000 đồng/tháng; hai cháu là 10.000.000 đồng. Anh Phan Minh K vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh K được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của 01 hoặc cả 02 bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Trần Ngọc D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 004080 ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự chị D, anh K được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND h. Nhơn Trạch (1),
- Chi cục THADS h. Nhơn Trạch (1),
- UBND xã Phước An (1)
- Đương sự (2),
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thanh Phong